

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CÙ LAO DUNG
TỈNH SÓC TRĂNG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 09/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 23 - 5 - 2022

V/v “Tranh chấp hôn
nhân và gia đình”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÙ LAO DUNG, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Chí Hường.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Võ Thành Phước.

Ông Võ Quốc Hưng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Ngọc Nguyệt – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Minh Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 01/2022/TLST-HNGĐ, ngày 04 tháng 01 năm 2022 về việc ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 5 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1971. Địa chỉ: Ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Sóc Trăng. (có mặt)

- Bị đơn: Anh Võ Văn T, sinh năm 1975. Địa chỉ: Ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Sóc Trăng. (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo nội dung đơn khởi kiện đề ngày 29/12/2021, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Đ trình bày:

Vào tháng 12 năm 1995, chị Nguyễn Thị Đ và anh Võ Văn T tự nguyện tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương, nhưng đến nay không có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Sau khi sống chung chị Đ và anh T chung sống hạnh phúc, đến tháng 12 năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng ý kiến, nên cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc. Chị Đ và anh T sống ly thân tháng 4 năm 2021 cho đến nay. Về con chung: Trong thời gian chung sống chị Đ và anh T có 02 con chung tên Võ Văn N, sinh ngày 15/7/1997 và Võ Thị Huỳnh N, sinh ngày 22/10/2000, hiện nay Văn N và Huỳnh N đã thành niên. Về tài sản

chung: Tự thỏa thuận. Về nợ chung: Trong thời gian chung sống chị Đ và anh T không có nợ chung.

Nay chị Đ yêu cầu như sau:

1. Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Đ yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ giữa chị Nguyễn Thị Đ và anh Võ Văn T là vợ chồng.

2. Về con chung: Trong thời gian chung sống chị Đ và anh T có 02 con chung tên Võ Văn N, sinh ngày 15/7/1997 và Võ Thị Huỳnh N, sinh ngày 22/10/2000, hiện tại Văn N và Huỳnh N đã thành niên, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm bị đơn anh Võ Văn T trình bày: Theo nội dung khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Đ, anh T trình bày ý kiến: Về hôn nhân: Anh T yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ giữa chị Nguyễn Thị Đ và anh Võ Văn T là vợ chồng. Về con chung: Trong thời gian chung sống chị Đ và anh T có 02 con chung tên Võ Văn N, sinh ngày 15/7/1997 và Võ Thị Huỳnh N, sinh ngày 22/10/2000, hiện nay Văn N và Huỳnh N đã thành niên, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng về việc tuân thủ và chấp hành pháp luật tố tụng dân sự của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án trong giai đoạn xét xử sơ thẩm, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự. Riêng phần quan hệ tranh chấp trong vụ án này là tranh chấp hôn nhân và gia đình nhưng Tòa án xác định quan hệ ly hôn là chưa chính xác. Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thì Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử không công nhận quan hệ quan hệ chung sống giữa nguyên đơn Nguyễn Thị Đ với bị đơn Võ Văn T là vợ chồng. Về con chung: Con chung đã trưởng thành, không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét. Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét. Về nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, theo phát biểu và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng, người tham gia tố tụng, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Theo đơn khởi kiện lập ngày 29/12/2021, chị Nguyễn Thị Đ yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận quan hệ chung sống giữa chị Nguyễn Thị Đ và anh Võ Văn T là vợ chồng, anh T đăng ký hộ khẩu thường trú tại ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Sóc Trăng. Căn cứ vào khoản 8

Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử xác định việc Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng thụ lý, giải quyết vụ án theo trình tự sơ thẩm là đúng quy định của pháp luật về thẩm quyền giải quyết vụ án.

[2] Về quan hệ pháp luật: Trong vụ án này là tranh chấp về hôn nhân và gia đình về việc không công nhận quan hệ vợ chồng nhưng trong quá trình thụ lý, giải quyết xác định quan hệ pháp luật là ly hôn là chưa chính xác. Hội đồng xét xử xác định quan hệ trong vụ án này là tranh chấp hôn nhân và gia đình theo quy định tại khoản 8 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Đ và anh Võ Văn T sống chung từ năm 1995 nhưng đến nay cũng không tiến hành thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình nên không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng, trong trường hợp có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 và khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình. Do đó, Hội đồng xét xử xác định quan hệ chung sống giữa chị Nguyễn Thị Đ và anh Võ Văn T không phải là vợ chồng.

[4] Về quan hệ con chung: Chị Nguyễn Thị Đ và anh Võ Văn T xác định có 02 con chung tên Võ Văn N, sinh ngày 15/7/1997 và Võ Thị Huỳnh N, sinh ngày 22/10/2000. Hiện nay các con chung đã thành niên, phát triển bình thường, có khả năng tự lao động nuôi sống bản thân. Chị Đ và anh T không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị Đ và anh Võ Văn T xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị Đ và anh Võ Văn T xác định không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[7] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng tại phiên tòa sơ thẩm là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Về án phí sơ thẩm: Áp dụng khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án do đó trong vụ án hôn nhân và gia đình nguyên đơn phải chịu án phí sơ thẩm, không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Vì vậy chị Nguyễn Thị Đ chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với vụ án hôn nhân và gia đình. Anh Võ Văn T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

[9] Về quyền kháng cáo bản án: Căn cứ vào Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 tuyên quyền kháng cáo cho các đương sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 8 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ chung sống giữa chị Nguyễn Thị Đ và anh Võ Văn T là vợ chồng.

2. Về con chung: Con chung của chị Nguyễn Thị Đ và anh Võ Văn T là Võ Văn N, sinh ngày 15/7/1997 và Võ Thị Huỳnh N, sinh ngày 22/10/2000. Hiện nay các con chung đã thành niên, phát triển bình thường, tự lao động nuôi sống bản thân. Chị Nguyễn Thị Đ và anh Võ Văn T không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

4. Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị Đ và anh Võ Văn T thống nhất tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

5. Về nợ chung: Chị Nguyễn Thị Đ và anh Võ Văn T thống nhất xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

6. Về án phí sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Đ phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001750 ngày 29/12/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng như vậy chị Nguyễn Thị Đ đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm; anh Võ Văn T không phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm.

7. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị Đ và anh Võ Văn T được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án, đề yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xét xử lại vụ án theo trình tự phúc thẩm.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sóc Trăng (Phòng KTNV&THA);
- VKSND huyện Cù Lao Dung;
- Chi cục THADS huyện Cù Lao Dung;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ vụ án.

(Đã ký)

Nguyễn Chí Hướng